

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Hệ thống tài liệu quản lý chất lượng  
theo TCVN ISO 9001:2015 tại UBND huyện Tuy Phước**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ khoa học và Công nghệ về việc công bố mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Tờ trình số 48/TTr-PKHT ngày 09/12/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động quản lý và giải quyết thủ tục hành chính tại UBND huyện Tuy Phước (có Danh mục điều chỉnh, bổ sung kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này thay thế Quyết định số 8341/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc ban hành Hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại UBND huyện Tuy Phước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc huyện (trừ Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện) và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, CVVP K4;
- Bộ phận TN&TKQ huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Xuân**

**DANH MỤC HỆ THỐNG TÀI LIỆU QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO**  
**TCVN ISO 9001:2015 TẠI UBND HUYỆN TUY PHƯỚC (điều chỉnh, bổ sung)**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2021 của UBND huyện Tuy Phước)

STT	Tên tài liệu	Mã số	Ghi chú
	<b>A. Theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng</b>		
1	Sổ tay HTQLCL	STCL	
2	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản	QT.01	
3	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT.02	
4	Quy trình đánh giá nội bộ	QT.03	
5	Quy trình Kiểm soát sự không phù hợp và Hành động khắc phục	QT.04	
	<b>B. Quy trình giải quyết TTHC</b>		
	<b>1. Lĩnh vực: Quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, Tổ chức phi chính phủ (8)</b>		
1	Thủ tục thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe cấp huyện	QT-LĐTBXH.CTH-08	
2	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	QT-NV.CTH-01	
3	Thủ tục thành lập hội cấp huyện	QT-NV.CTH-02	
4	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội (cấp huyện)	QT-NV.CTH-03	
5	Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội	QT-NV.CTH-04	
6	Thủ tục đổi tên hội (cấp huyện)	QT-NV.CTH-05	
7	Thủ tục hội tự giải thể	QT-NV.CTH-06	
8	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội cấp huyện	QT-NV.CTH-07	
	<b>2. Lĩnh vực: Chính quyền địa phương (1)</b>		
9	Thủ tục thẩm định thành lập thôn mới, thôn tổ dân phố	QT-NV.XDCQ-01	
	<b>3. Lĩnh vực: Bảo hiểm (1)</b>		
10	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	QT-NN.BH-01	
	<b>4. Lĩnh vực: Biển và hải đảo (5)</b>		
11	Công nhận khu vực biển cấp huyện	QT-TNMT.BHĐ-01	
12	Giao khu vực biển cấp huyện	QT-TNMT.BHĐ-02	
13	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cấp huyện	QT-TNMT.BHĐ-03	
14	Trả lại khu vực biển cấp huyện	QT-TNMT.BHĐ-04	
15	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển cấp huyện	QT-TNMT.BHĐ-05	
	<b>5. Lĩnh vực: Bồi thường nhà nước (2)</b>		
16	Phục hồi danh dự (cấp huyện)	QT-TP.BTNN-01	
17	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp huyện)	QT-TP.BTNN-02	
	<b>6. Lĩnh vực: Bảo Trợ Xã Hội (16)</b>		
18	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT-LĐTBXH.BTXH-01	
19	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT-LĐTBXH.BTXH-02	

20	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT-LĐTBXH.BTXH-03	
21	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT-LĐTBXH.BTXH-04	
22	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-LĐTBXH.BTXH-05	
23	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT-LĐTBXH.BTXH-06	
24	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT-LĐTBXH.BTXH-07	
25	Thủ tục hỗ trợ khẩn cấp trẻ em khi cha, mẹ bị chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không còn người thân thích chăm sóc	QT-LĐTBXH.BTXH-08	
26	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT-LĐTBXH.BTXH-09	
27	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội cấp	QT-LĐTBXH.BTXH-10	
28	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT-LĐTBXH.BTXH-11	
29	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	QT-LĐTBXH.BTXH-12	
30	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QT-LĐTBXH.BTXH-13	
31	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QT-LĐTBXH.BTXH-14	
32	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp là trẻ em có cả cha, mẹ bị chết, mất tích mà không có người thân thích chăm sóc, nuôi dưỡng hoặc người thân thích không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng	QT-LĐTBXH.BTXH-15	
33	Thủ tục nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp, gồm: nạn nhân của bạo lực gia đình; nạn nhân bị xâm hại tình dục; nạn nhân bị buôn bán; nạn nhân bị cưỡng bức lao động; trẻ em, người lang thang xin ăn trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú hoặc đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội; đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp khác theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT-LĐTBXH.BTXH-16	
	<b>7. Lĩnh vực: Công nghiệp địa phương (1)</b>		
34	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	QT-KTHT.CN-01	
	<b>8. Lĩnh vực: Chứng thực (12)</b>		
35	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	QT-TP.CT-01	

36	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT-TP.CT-02	
37	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT-TP.CT-03	
38	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT-TP.CT-04	
39	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-TP.CT-05	
40	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT-TP.CT-06	
41	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-TP.CT-07	
42	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT-TP.CT-08	
43	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	QT-TP.CT-09	
44	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT-TP.CT-10	
45	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT-TP.CT-11	
46	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT-TP.CT-12	
	<b>9. Lĩnh vực: Đất đai (6)</b>		
47	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	QT-TNMT.ĐĐ-01	
48	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	QT-TNMT.ĐĐ-02	
49	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam (TTHC cấp huyện)	QT-TNMT.ĐĐ-03	
50	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	QT-TNMT.ĐĐ-04	

51	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	QT-TNMT.ĐĐ-05	
52	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “dồn điền đổi thửa” (đồng loạt)	QT-TNMT.ĐĐ-06	
	<b>10. Lĩnh vực: Đường thủy nội địa (9)</b>		
53	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT-KTHT.ĐTND-01	
54	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-KTHT.ĐTND-02	
55	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-KTHT.ĐTND-03	
56	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT-KTHT.ĐTND-04	
57	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT-KTHT.ĐTND-05	
58	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	QT-KTHT.ĐTND-06	
59	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT-KTHT.ĐTND-07	
60	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT-KTHT.ĐTND-08	
61	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QT-KTHT.ĐTND-09	
	<b>11. Lĩnh vực: Dịch vụ Du lịch khác (5)</b>		
62	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	QT.VHTT.DL-04	
63	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	QT.VHTT.DL-03	
64	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	QT.VHTT.DL-02	
65	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	QT.VHTT.DL-01	
66	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	QT.VHTT.DL-05	
	<b>12. Lĩnh vực: Gia đình (06)</b>		
67	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình(thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT.VHTT.GĐ-01	
68	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT.VHTT.GĐ-02	
69	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT.VHTT.GĐ-03	

70	Thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT.VHTT.GĐ-04	
71	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT.VHTT.GĐ-05	
72	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT.VHTT.GĐ-06	
	<b>13. Lĩnh vực: Giải quyết khiếu nại (02)</b>		
73	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	QT-TTr-03	
74	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	QT-TTr-02	
	<b>14. Lĩnh vực: Giải quyết tố cáo (01)</b>		
75	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp huyện	QT-TTr-04	
	<b>15. Lĩnh vực: Hoạt động xây dựng (08)</b>		
76	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp)	QT-KTHT.XD-01	
77	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp)	QT-KTHT.XD-02	
78	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-KTHT.XD-03	
79	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-KTHT.XD-04	
80	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-KTHT.XD-05	
81	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-KTHT.XD-06	

82	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-KTHT.XD-07	
83	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-KTHT.XD-08	
	<b>16. Lĩnh vực: Phổ biến giáo dục pháp luật (01)</b>		
84	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải (cấp huyện)	QT.TP.HG-01	
	<b>17. Lĩnh vực: Hộ tịch (16)</b>		
85	Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch	QT.TP.HT-01	
86	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.TP.HT-02	
87	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.TP.HT-03	
88	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.TP.HT-04	
89	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.TP.HT-05	
90	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.TP.HT-06	
91	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.TP.HT-07	
92	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.TP.HT-08	
93	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT.TP.HT-09	
94	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.TP.HT-10	
95	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.TP.HT-11	
96	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT.TP.HT-12	
97	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.TP.HT-13	
98	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.TP.HT-14	
99	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.TP.HT-15	
100	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.TP.HT-16	
	<b>18. Lĩnh vực: Hạ tầng kỹ thuật (04)</b>		
101	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	QT-KTHT.HT-01	
102	Cấp phép sử dụng tạm thời vỉa hè, lòng đường làm nơi để xe	QT-KTHT.HT-02	

103	Cấp phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường cho các hoạt động văn hóa, thể thao, xã hội	QT-KTHT.HT-03	
104	Gia hạn Giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè, lòng đường (cấp huyện)	QT-KTHT.HT-04	
	<b>19. Lĩnh vực: Kinh doanh khí (03)</b>		
105	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-KTHT.KDK-02	
106	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-KTHT.KDK-03	
107	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-KTHT.KDK-01	
	<b>20. Lĩnh vực: Lữ hành (01)</b>		
108	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	QT.VHTT.DL-01	
	<b>21. Lĩnh vực: Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (03)</b>		
109	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	QT-NN.KTHT-02	
110	Bố trí ổn định dân cư ngoài tỉnh	QT-NN.KTHT-03	
111	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	QT-NN.KTHT-01	
	<b>22. Lĩnh vực: Lao động (02)</b>		
112	Thủ tục Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	QT-LĐTBXH.LĐVL-02	
113	Hỗ trợ người lao động ngừng việc do đại dịch COVID-19	QT-LĐTBXH.VL-002	
	<b>23. Lĩnh vực: Tiền lương (02)</b>		
114	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch COVID-19	QT-LĐTBXH.LĐTL-01	
115	Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động phải ngừng việc do đại dịch COVID-19	QT-LĐTBXH.LĐTL-02	
	<b>24. Lĩnh vực: Lâm nghiệp (01)</b>		
116	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	QT-NN.LN-002	
	<b>25. Lĩnh vực: Lưu thông hàng hóa trong nước (09)</b>		
117	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-KTHT.HH-01	
118	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-KTHT.HH-02	
119	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-KTHT.HH-03	
120	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT-KTHT.HH-04	
121	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	QT-KTHT.HH-05	
122	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT-KTHT.HH-06	
123	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-KTHT.HH-07	
124	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-KTHT.HH-08	
125	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-KTHT.HH-09	
	<b>26. Lĩnh vực: Môi trường (04)</b>		
126	Cấp giấy phép môi trường (cấp Huyện)	QT-TNMT.MT-01	
127	Cấp lại giấy phép môi trường (cấp Huyện)	QT-TNMT.MT-02	



128	Cấp đổi giấy phép môi trường (cấp Huyện)	QT-TNMT.MT-03	
129	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Huyện)	QT-TNMT.MT-04	
	<b>27. Lĩnh vực: Nuôi con nuôi (01)</b>		
130	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-TP.NCN-01	
	<b>28. Lĩnh vực: Người Có Công (10)</b>		
131	Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi.	QT-LĐTBXH.NCC-01	
132	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT-LĐTBXH.NCC-02	
133	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	QT-LĐTBXH.NCC-03	
134	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-LĐTBXH.NCC-04	
135	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	QT-LĐTBXH.NCC-05	
136	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	QT-LĐTBXH.NCC-06	
137	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia	QT-LĐTBXH.NCC-07	
138	Thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-LĐTBXH.NCC-08	
139	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QT-LĐTBXH.NCC-09	
140	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	QT-LĐTBXH.NCC-10	
	<b>29. Lĩnh vực: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (02)</b>		
141	Hỗ trợ dự án liên kết	QT-NN.PTNT-01	
142	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	QT-NN.PTNT-02	
	<b>30. Lĩnh vực: Phòng, chống tệ nạn xã hội (04)</b>		
143	Thủ tục Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT-LĐTBXH.TNXH-01	
144	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT-LĐTBXH.TNXH-02	
145	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT-LĐTBXH.TNXH-03	
146	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT-LĐTBXH.TNXH-04	

	<b>31. Lĩnh vực: Phòng, chống thiên tai (04)</b>		
147	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	QT-NN.PCTT-01	
148	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	QT-NN.PCTT-02	
149	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QT-NN.PCTT-03	
150	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	QT-NN.PCTT-04	
	<b>32. Lĩnh vực: Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (04)</b>		
151	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-VHTT.THĐT-01	
152	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-VHTT.THĐT-02	
153	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-VHTT.THĐT-03	
154	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-VHTT.THĐT-04	
	<b>33. Lĩnh vực: Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (03)</b>		
155	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT-KTHT.QH-01	
156	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT-KTHT.QH-02	
157	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT-KTHT.QHXD-01	
	<b>34. Lĩnh vực: Công chức, viên chức (04)</b>		
158	Thủ tục thi tuyển Viên chức	QT-NV.VC-01	
159	Thủ tục xét tuyển viên chức	QT-NV.VC-02	
160	Thủ tục tiếp nhận vào làm viên chức	QT-NV.VC-03	
161	Thủ tục thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	QT-NV.VC-04	
	<b>35. Lĩnh vực: Quản lý chất lượng công trình xây dựng (03)</b>		
162	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành) (Thay thế thủ tục tại Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng)	QT-KTHT.CTXD-01	
163	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh.	QT-KTHT.CTXD-02	

164	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	QT-KTHT.CTXD-03	
<b>36. Lĩnh vực: Quản lý công sản (15)</b>			
165	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	QT-TCKH.QLCS-01	
166	Quyết định thuê tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	QT-TCKH.QLCS-02	
167	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công	QT-TCKH.QLCS-03	
168	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước	QT-TCKH.QLCS-04	
169	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện)	QT-TCKH.QLCS-05	
170	Quyết định điều chuyển tài sản công	QT-TCKH.QLCS-06	
171	Quyết định bán tài sản công (thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện)	QT-TCKH.QLCS-07	
172	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	QT-TCKH.QLCS-08	
173	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	QT-TCKH.QLCS-09	
174	Quyết định thanh lý tài sản công (thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện).	QT-TCKH.QLCS-10	
175	Quyết định tiêu hủy tài sản công (thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện)	QT-TCKH.QLCS-11	
176	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại	QT-TCKH.QLCS-12	
177	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	QT-TCKH.QLCS-13	
178	Mua quyền hóa đơn	QT-TCKH.QLCS-14	
179	Mua hóa đơn lẻ	QT-TCKH.QLCS-15	
<b>37. Lĩnh vực: An toàn đập, hồ chứa thủy điện (02)</b>			
180	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-KTHT.TĐ-01	
181	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-KTHT.TĐ-02	
<b>38. Lĩnh vực: Thuế (01)</b>			
182	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	QT-TNMT.THUE-01	
<b>39. Lĩnh vực: Tổ chức - Biên chế (06)</b>			

183	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-NV.ĐVSN-01	
184	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-NV.ĐVSN-02	
185	Thủ tục thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	QT-NV.ĐVSN-03	
186	Thủ tục hành chính thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-NV.TCBC-01	
187	Thủ tục hành chính thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-NV.TCBC-02	
188	Thủ tục hành chính thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-NV.TCBC-03	
	<b>40. Lĩnh vực: Thi đua - khen thưởng (08)</b>		
189	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT-NV.TĐKT-01	
190	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	QT-NV.TĐKT-02	
191	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở	QT-NV.TĐKT-03	
192	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	QT-NV.TĐKT-04	
193	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất	QT-NV.TĐKT-05	
194	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	QT-NV.TĐKT-06	
195	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng cho gia đình	QT-NV.TĐKT-07	
196	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT-NV.TĐKT-08	
	<b>41. Lĩnh vực: Trẻ em (02)</b>		
197	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT-LĐTBXH.TE-02	
198	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT-LĐTBXH.TE-01	
	<b>42. Lĩnh vực: Tiếp công dân (01)</b>		
199	Thủ tục tiếp công dân tại cấp huyện	QT-TT-05	
	<b>43. Lĩnh vực: Thủy lợi (05)</b>		
200	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	QT-NN.TL-01	
201	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	QT-NN.TL-02	
202	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện	QT-NN.TL-03	

203	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	QT-NN.TL-04	
204	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	QT-NN.TL-05	
	<b>44. Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh (05)</b>		
205	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT-TCKH.HKD-01	
206	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT-TCKH.HKD-02	
207	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	QT-TCKH.HKD-03	
208	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT-TCKH.HKD-04	
209	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT-TCKH.HKD-05	
	<b>45. Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (16)</b>		
210	Đăng ký thành lập Hợp tác xã	QT-TCKH.HTX-01	
211	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-TCKH.HTX-02	
212	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT-TCKH.HTX-03	
213	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-TCKH.HTX-04	
214	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-TCKH.HTX-05	
215	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-TCKH.HTX-06	
216	Đăng ký khi hợp tác xã chia	QT-TCKH.HTX-07	
217	Đăng ký khi hợp tác xã tách	QT-TCKH.HTX-08	
218	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	QT-TCKH.HTX-09	
219	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	QT-TCKH.HTX-10	
220	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	QT-TCKH.HTX-11	
221	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	QT-TCKH.HTX-12	
222	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	QT-TCKH.HTX-13	
223	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	QT-TCKH.HTX-14	
224	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT-TCKH.HTX-15	
225	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	QT-TCKH.HTX-16	
	<b>46. Lĩnh vực: Tài nguyên nước (02)</b>		
226	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyên nước từ nguồn nước nội tỉnh	QT-TNMT.MTN-01	
227	Đăng ký khai thác nước dưới đất (TTHC cấp huyện)	QT-TNMT.MTN-02	
	<b>47. Lĩnh vực: Tôn giáo Chính phủ (08)</b>		
228	Thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo	QT-NV.TG-01	

229	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT-NV.TG-02	
230	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT-NV.TG-03	
231	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT-NV.TG-04	
232	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT-NV.TG-05	
233	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT-NV.TG-06	
234	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT-NV.TG-07	
235	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT-NV.TG-08	
	<b>48. Lĩnh vực: Thủy sản (03)</b>		
236	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT-NN.TS-01	
237	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT-NN.TS-02	
238	Công bố mở cảng cá loại 3	QT-NN.TS-03	
	<b>49. Lĩnh vực: Thư viện (03)</b>		
239	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-VHTT.TV-02	
240	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-VHTT.TV-01	
241	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-VHTT.TV-03	
	<b>50. Lĩnh vực: Văn hóa cơ sở (13)</b>		
242	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	QT-VHTT.VHCS-01	
243	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	QT-VHTT.VHCS-02	
244	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp	QT-VHTT.VHCS-03	

	huyện cấp)		
245	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)	QT-VHTT.VHCS-04	
246	Thủ tục công nhận lần đầu Cơ quan đạt chuẩn văn hóa, Đơn vị đạt chuẩn văn hóa, Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	QT-VHTT.VHCS-05	
247	Công nhận "Thôn văn hóa", "Làng văn hóa", "Áp văn hóa", "Bản văn hóa" và tương đương	QT-VHTT.VHCS-06	
248	Công nhận "Tổ dân phố văn hóa" và tương đương	QT-VHTT.VHCS-07	
249	Thủ tục công nhận lần đầu Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới	QT-VHTT.VHCS-08	
250	Thủ tục công nhận lại Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới	QT-VHTT.VHCS-09	
251	Thủ tục công nhận lần đầu Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	QT-VHTT.VHCS-10	
252	Thủ tục công nhận lại Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	QT-VHTT.VHCS-11	
253	Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	QT-VHTT.VHCS-12	
254	Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	QT-VHTT.VHCS-13	
	<b>51. Lĩnh vực: Việc làm (03)</b>		
255	Hỗ trợ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	QT-LĐTBOXH.VL-01	
256	Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp	QT-LĐTBOXH.VL-02	
257	Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động quay trở lại thị trường lao động	QT-LĐTBOXH.VL-03	
	<b>52. Lĩnh vực: An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng (01)</b>		
258	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT-YT-01	
	<b>53. Lĩnh vực: Xuất bản, In và Phát hành (02)</b>		
259	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy (cấp huyện)	QT-VHTT.XB-02	
260	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy (cấp huyện)	QT-VHTT.XB-01	
	<b>54. Lĩnh vực: Xử lý đơn thư (01)</b>		
261	Thủ tục xử lý đơn tại cấp huyện	QT-TTr-06	
	<b>Tổng số: 261 TTHC (54 Lĩnh vực)</b>		